

TÌNH HÌNH DỊCH TỄ LAO/HIV TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 1999-2010

LÊ VĂN ĐỨC¹, LÊ THỊ MINH NGUYỆT², ĐINH NGỌC SỸ³,
EDINE TIEMERSMA⁴, FRANK COBELENS^{5,4}

¹BV Lao và Bệnh phổi TP Đà Nẵng; ²TTYT Sơn Trà TP Đà Nẵng;

³BV Phổi Trung Ương, Hà Nội; ⁴Cơ quan phòng chống Lao Hà lan;

⁵TT Nhiễm trùng và Miễn dịch, Viện Hàn lâm Y học, ĐH Amsterdam, Hà Lan.

TÓM TẮT:

Đặt vấn đề: Việt Nam xếp thứ 12 trong 22 nước có tình trạng bệnh lao nặng nề nhất. Đà Nẵng có tỷ lệ hiện mắc và mắc mới bệnh lao cao, nhưng lại ở trong nhóm các tỉnh thành có tỷ lệ hiện mắc và mắc mới HIV thấp. Mục tiêu: xác định tỷ lệ hiện mắc của HIV trong các bệnh nhân đã được điều trị bệnh lao tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010 và tìm hiểu tác động của tình trạng HIV đến tình hình dịch tễ bệnh lao ở thành phố Đà Nẵng. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Thực hiện một nghiên cứu hồi cứu căn cứ trên số liệu trong sổ đăng ký điều trị cho bệnh nhân lao lưu trữ tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010 có đối chiếu với số liệu của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS. Kết quả: Trong giai đoạn 1999-2010 có tất cả 15961 bệnh nhân lao mọi thể trong đó chỉ có 172 bệnh nhân Lao có HIV(+), tỷ lệ 1.08%. Bệnh nhân Lao/HIV nam có tỷ lệ 82%. Số bệnh nhân Lao/HIV ở lứa tuổi 15-34 có tỷ lệ cao nhất với 51.2%. 60,5% số bệnh nhân Lao/HIV được điều trị ARV. 73.84% số bệnh nhân Lao/HIV mắc lao phổi và 26.16% mắc lao ngoài phổi. Trong số bệnh nhân Lao/HIV mắc lao phổi có 79.5% là lao phổi AFB(+) và 20.5% là lao phổi AFB(-). Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh lao thấp(23.8%), 36% bệnh nhân Lao/HIV chết trong quá trình điều trị, 5.8% bệnh nhân bỏ trị. Kết luận: Bệnh nhân có HIV(+) chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong toàn bộ bệnh nhân được điều trị lao tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010(1.08%). Tỷ lệ tác động của HIV lên bệnh nhân Lao/HIV(+) nhỏ hơn 2%. Điều này cho phép kết luận rằng HIV không tác động lên tình hình dịch tễ bệnh lao tại thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: thành phố Đà Nẵng, HIV/AIDS, Lao/HIV

SUMMARY

Background: Vietnam ranks twelfth in 22 high TB burden countries. Danang city is having the high prevalence and incidence of tuberculosis but in the low HIV prevalence and incidence group of all cities and provinces in Vietnam. Objective: To determine the HIV prevalence among Tuberculosis patients in Danang city and the impact of HIV status on tuberculosis epidemiology. Materials and methods: We conducted a retrospective review from the Danang TB register and were cross-matched with city HIV register. A single HIV ELISA test performed. Results: During 1999-2010, of 15961 TB patients there were only 172 HIV/TB cases (1.08%). 82% of HIV/TB patients were male. The majority of participants (51.2%) were in 15-34 age groups. 60.5% was treated with ARV therapy. 73.84% was

pulmonary TB, extra-pulmonary TB was 26.16%. Of pulmonary TB patients, 79.5% were AFB(+) and 20.5% was AFB(-). Cured patient rate was low (23.8%). Died patient was 36.0%, transfer out patient was 2.3%, default patient was 5.8%. Conclusions: HIV positive patients were only small part of the total TB patients in Danang city from 1999 to 2010 (1.08%), therefore HIV status almost inconsiderably influenced to TB epidemiology in the city.

Keywords: Tuberculosis, HIV, Danang City

ĐẶT VẤN ĐỀ

HIV là yếu tố nguy cơ mạnh nhất để người bị nhiễm lao phát triển thành mắc bệnh lao. Trong nhóm người sống chung với HIV/AIDS nguy cơ mắc lao cao hơn từ 20-37 lần so với nhóm người không nhiễm HIV. Bệnh lao là nguyên nhân gây tử vong của hơn một phần tư số người chết trong nhóm người bị nhiễm HIV[1]. Việt Nam là quốc gia có tình hình bệnh lao nặng nề, có tình trạng HIV cao và vừa có tình hình bệnh lao kháng đa thuốc cao. Việt Nam xếp thứ 12 trong số 22 nước có gánh nặng bệnh lao cao[2]. Ngày 30 tháng 9 năm 2010 số lũy tích HIV(+) đã được báo cáo trong toàn quốc là 180.312 người. Trong số này có 42.339 bệnh nhân AIDS và 48.368 người đã chết[3]. Kết quả các đợt giám sát trọng điểm HIV đã cho thấy có sự gia tăng tỷ lệ hiện mắc HIV trong các bệnh nhân lao từ năm 2000 đến năm 2007[4]. Một nghiên cứu ở Hải Phòng trong nhóm bệnh nhân lao phổi AFB(+) mới cho kết quả có 13.8%(32% số bệnh nhân nam và 2% số bệnh nhân nữ) bị HIV(+)[5]. Năm 2007, Cục phòng chống HIV/AIDS và Chương trình chống lao quốc gia đã cộng tác để xây dựng quy trình phối hợp trong chẩn đoán, điều trị và quản lý người bệnh lao/HIV. Dựa vào nghiên cứu đoàn hệ về điều trị kháng vi rút HIV tại tám điểm điều trị ARV trong năm 2007, tỷ lệ phần trăm được ước tính cho các bệnh nhân HIV(+) mới mắc bệnh lao được điều trị cả HIV và Lao trong khoảng từ 15-25%[6]. Chương trình chống lao quốc gia đã có kế hoạch phát triển CTCLQG 2006-2010(đã điều chỉnh lại từ 2007 đến 2011). Kế hoạch này có 6 mục tiêu để khống chế bệnh lao, bao gồm việc thực hiện khung hành động để đối phó với tình hình đồng nhiễm Lao/HIV[7].

Thành phố Đà Nẵng thuộc vùng duyên hải nam trung bộ, tỷ lệ mắc bệnh lao vẫn còn cao. Mỗi năm có khoảng 1500 bệnh nhân lao mọi thể và khoảng 900 bệnh nhân lao phổi dương tính mới là nguồn lây chủ yếu trong cộng đồng. Các chỉ số dịch tễ bệnh lao ở thành phố Đà Nẵng tương đối cao: tỷ lệ hiện mắc là

180/100000 dân và tỷ lệ mắc mới là 120/100000 dân. Thành phố Đà Nẵng thuộc nhóm các tỉnh và thành phố có tỷ lệ hiện mắc và mắc mới HIV thấp trong cả nước. Thành phố Đà Nẵng phát hiện trường hợp HIV đầu tiên vào năm 1993, đến năm 1999 có 34 trường hợp HIV(+) được báo cáo và đến 31 tháng 12 năm 2010 tổng số lũy tích các trường hợp HIV(+) đã lên đến 1333. Trong số này có 543 bệnh nhân AIDS, và 310 HIV(+) đã chết[8].

Mục đích chính của nghiên cứu này là tìm hiểu tỷ lệ hiện mắc HIV trong các bệnh nhân lao ở thành phố Đà Nẵng và phần nào đánh giá sự tác động của đại dịch HIV lên dịch tễ lao tại thành phố Đà Nẵng.

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi thực hiện một nghiên cứu hồi cứu từ số liệu lưu trữ trong các sổ đăng ký điều trị bệnh lao của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Đà Nẵng có đối chiếu với số liệu lưu trữ tại Trung Tâm Phòng chống HIV/AIDS thành phố Đà Nẵng. Các thông tin về hành chính, các số liệu lâm sàng, cũng như các số liệu cận lâm sàng được thu thập vào các biểu mẫu chuẩn và được nhập và phân tích bằng phần mềm EPIDATA, EPIDA ANALYSIS v2.2(Epidata Association www.epidata.dk).

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Chỉ có 172 bệnh nhân Lao/HIV trong tổng số 15961 bệnh nhân lao mọi thể được đăng ký điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010 chiếm tỷ lệ 1.08%. Phần lớn bệnh nhân Lao/HIV là nam (tỷ lệ 82.0%), chỉ có 18% là bệnh nhân nữ. Bệnh nhân nhỏ nhất là 2 tuổi và lớn nhất là 73 tuổi, tuổi trung bình là 34.63(95%CI=30.04-36.23). Nhóm tuổi 15-34 có nhiều người bệnh nhất với tỷ lệ 51.2%, nhóm tuổi 35-54 xếp tiếp theo với tỷ lệ 44.2%. Nhóm tuổi 55-74 có tỷ lệ 2.9%, nhóm tuổi 00-14 có ít bệnh nhân nhất với tỷ lệ 1.7%. Như vậy lứa tuổi từ 15-54 chiếm tuyệt đối trong tất cả bệnh nhân Lao/HIV điều trị tại bệnh viện Lao và Bệnh phổi Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010 với tỷ lệ 95.4%. (Bảng 1)

Bảng 1: Tuổi giới

Bệnh nhân Lao/HIV	Tổng số	Tối thiểu	Tối đa	Mean	95%CI	Median
	172	2.00	73.00	34.63	33.04 36.23	34.00
Nhóm tuổi	Nam	%	Nữ	%	Tổng cộng	%
00-14	1	(33.3) {0.7}	2	(66.7) {6.5}	3	(100.0) {1.7}
15-34	69	(78.4) {48.9}	19	(21.6) {61.3}	88	(100.0) {51.2}
35-54	66	(86.8) {46.8}	10	(13.2) {32.3}	76	(100.0) {44.2}
55-74	5	(100.0) {3.5}	0	{0.0}	5	(100.0) {2.9}
Tổng cộng	141	(82.0) {100.0}	31	(18.0) {100.0}	172	

172 bệnh nhân được khẳng định bằng test Elisa dương tính với vi rút HIV. Trong số này có 60.5% bao

gồm 86 nam và 18 nữ được điều trị kháng vi rút HIV(ARV). 39.5% số bệnh nhân không điều trị HIV gồm 55 nam và 13 nữ. Năm 2007 có nhiều bệnh nhân Lao/HIV nhất với số lượng 30 và năm 2000 có số bệnh nhân Lao/HIV ít nhất với chỉ 4 bệnh nhân. Chúng tôi đã tính tác động của HIV lên bệnh nhân Lao/HIV(+) trong giai đoạn 1999-2010 dựa trên công thức $PAF=p \times (1-1/RR)$ với p là tỷ lệ HIV trong quần thể, RR là nguy cơ tương đối phát sinh lao ở người nhiễm HIV. Kết quả cho thấy tỷ lệ tác động của HIV lên bệnh nhân Lao/HIV(+) nhỏ hơn 2%, cao nhất là 1.8% trong năm 2007 và thấp nhất là 0.3% trong năm 2000. Phân tích các thể bệnh lao chúng tôi nhận thấy như sau: trong số 172 bệnh nhân Lao/HIV, lao phổi chiếm 73.84% và có 45 bệnh nhân Lao/HIV mắc lao ngoài phổi chiếm tỷ lệ 26.16%. Trong các bệnh nhân Lao/HIV mắc Lao phổi: có 79.5% mắc lao phổi có AFB(+)(95%CI=71.7-85.6) và 20.5% bệnh nhân mắc lao phổi có AFB(-) (95%CI=14.4-28.3). (Bảng 2)

Bảng 2

Thể bệnh lao		N	%	95% CI
Lao phổi	AFB(+)	101	79.5	(71.7-85.6)
	AFB(-)	26	20.5	(14.4-28.3)
	Tổng cộng	127	100.0	
Lao ngoài phổi	Tràn dịch màng phổi do lao	17	37.8	(25.1-52.4)
	Lao màng ngoài tim	1	2.2	(0.4-11.6)
	Lao màng bụng	2	4.4	(1.2-14.8)
	Lao hạch ngoại biên	24	53.3	(39.1-67.1)
	Phức hợp nguyên thủy do lao sơ nhiễm ở trẻ em	1	2.2	(0.4-11.6)
Tổng cộng	45	100.0		

Trong nhóm bệnh nhân Lao/HIV mắc lao phổi AFB(+), hầu hết là bệnh nhân nam với 80.2% và chỉ có 19.8% là nữ. Trong các bệnh nhân Lao/HIV mắc lao phổi có AFB(-), nam chiếm 84.6% và nữ có 15.4%. Trong nhóm lao ngoài phổi, 84.4% là nam và nữ chỉ chiếm 15.6%. Trong nhóm bệnh nhân Lao/HIV mắc lao ngoài phổi, lao hạch chiếm tỷ lệ cao nhất với 53.3%(95%CI=39.1-67.1), tiếp theo lần lượt là: tràn dịch màng phổi do lao với 37.8%(95%CI=25.1-52.4), lao màng bụng tỷ lệ 4.4%(95%CI=1.2-14.8), lao màng tim và phức hợp hạch lao sơ nhiễm ở trẻ em có số lượng thấp nhất cùng chiếm tỷ lệ 2.2%(95%CI=0.4-11.6). Trong 172 bệnh nhân Lao/HIV có 158 bệnh nhân mới mắc lao lần đầu tiên, tỷ lệ 91.9%; 14 bệnh nhân mắc lao tái phát, tỷ lệ 8.1%; không có bệnh nhân bỏ trị hoặc đã điều trị lao trước đó nhưng thất bại. Trong 14 trường hợp lao tái phát cần điều trị lại có 12 bệnh nhân nam(85.7%) và 2 bệnh nhân nữ (14.3%). Hầu hết bệnh nhân được điều trị với phác đồ 1(2SHRZ/6HE) dành cho bệnh nhân lao mới với tỷ lệ 90.1%(95%CI=84.7-93.7). Phác đồ 2(2SHRZE/1HRZE/6H₃E₃) dành cho bệnh nhân bị lao thất bại, tái phát hoặc điều trị lại chỉ chiếm tỷ lệ thấp với 8.2%(95%CI=4.9-13.2). Phác đồ 3(2HRZ/4HR) dành cho bệnh lao ở trẻ em chiếm tỷ lệ 1.7%(95%CI=0.6-5.0).(Bảng 3)

Bảng 3

Phác đồ điều trị lao				
Phác đồ	N	%	95%CI	Lũy tích %
Phác đồ 1	155	90.1	(84.7-93.7)	90.1
Phác đồ 2	14	8.2	(4.9-13.2)	98.3
Phác đồ 3	3	1.7	(0.6-5.0)	100.0
Tổng cộng	172	100.1		

Kết quả điều trị lao của 172 bệnh nhân Lao/HIV như sau: Khởi bệnh có 41 bệnh nhân(23.8%), trong số này có 36 nam(87.8%) và 5 nữ(12.2%). Có 62 bệnh nhân chết trong quá trình điều trị bệnh lao(36.0%) gồm 50 nam(80.6%) và 12 nữ(19.4%). 55 bệnh nhân hoàn thành điều trị, tỷ lệ 32.0% gồm 44 nam(80%) và 11 nữ(20.2%). Không có bệnh nhân nào điều trị lao bị thất bại. 10 bệnh nhân(5.8%) đã bỏ điều trị lao gồm có 8 nam(80.0%) và 2 nữ(20.0%). Chúng tôi có 4 bệnh nhân(2.3%) phải chuyển đi nơi khác điều trị tiếp bệnh lao do bệnh nhân chuyển về nơi ở cũ, trong đó có 3 nam(75.0%) và 1 nữ(25.0%).(Bảng 4)

Bảng 4

Kết quả điều trị bệnh lao của bệnh nhân Lao/HIV						
Kết quả điều trị	Nam	%	Nữ	%	Tổng	%
Khởi bệnh	36	(87.8) {25.5}	5	(12.2) {16.1}	41	(100.0) {23.8}
Chết	50	(80.6) {35.5}	12	(19.4) {38.7}	62	(100.0) {36.0}
Hoàn thành điều trị	44	(80.0) {31.2}	11	(20.0) {35.5}	55	(100.0) {32.0}
Thất bại	0	(0.0) {0.0}	0	(0.0) {0.0}	0	(0.0) {0.0}
Bỏ trị	8	(80.0) {5.7}	2	(20.0) {6.5}	10	(100.0) {5.8}
Chuyển đi nơi khác	3	(75.0) {2.1}	1	(25.0) {3.2}	4	(100.0) {2.3}
Total	141	(82.0) {100.}	31	(18.0) {100.0}	172	

Tỷ lệ Lao/HIV trên tổng số bệnh nhân lao quá nhỏ. Tỷ lệ tác động của HIV lên bệnh nhân Lao/HIV(+) nhỏ hơn 2%, cao nhất là 1.8% trong năm 2007 và thấp nhất là 0.3% trong năm 2000. Điều này chứng minh rằng tình hình HIV tại thành phố Đà Nẵng đã không tác động đến tình hình dịch tễ bệnh lao của thành phố trong giai đoạn 1999-2010. Hai nhóm tuổi 15-34 và 35-54 chiếm tỷ lệ đến 95.4% tổng số bệnh nhân Lao/HIV. Bệnh nhân Lao/HIV đa số đã chuyển thành bệnh nhân AIDS vì số lượng bệnh nhân được điều trị ARV chiếm đến 60.5% phù hợp với các nghiên cứu đã được công bố[9]. Lao phổi đạt đến 73.84% và Lao ngoài phổi chỉ chiếm 26.16% trong các bệnh nhân Lao/HIV phù hợp với các nghiên cứu đã được công bố trên thế giới[10]. Trong nhóm lao ngoài phổi, lao hạch ngoại biên có tỷ lệ cao nhất với 53.3%; tràn dịch màng phổi do lao 37.8%; cuối cùng lao màng ngoài tim cùng với phức hợp lao sơ nhiễm ở trẻ em mỗi loại là 2.2%. Phác đồ 1 dùng để điều trị cho bệnh nhân mới mắc lao chiếm tỷ lệ cao nhất với 90.1%. Phác đồ 2 dùng để điều trị cho các bệnh nhân lao tái phát, điều trị lại hay được điều trị lao nhưng thất bại chỉ chiếm 8.2%. Phác đồ 3 dành

để điều trị bệnh lao cho trẻ em chiếm vị trí thấp nhất với 1.7%. Như vậy hầu hết bệnh nhân Lao/HIV là bệnh nhân lao mới(91.8%) và chỉ có 8.2% là lao tái phát hay điều trị lại sau bỏ trị. Điều này hết sức quan trọng vì tỷ lệ lao kháng đa thuốc, là loại lao nguy hiểm và khó điều trị khỏi ở bệnh nhân lao mới chỉ 2.7% và lao tái phát, thất bại và điều trị lại là 19%[2].

KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu này, các bệnh nhân Lao/HIV tại Đà Nẵng chỉ chiếm một số lượng rất nhỏ trong tổng số 15961 bệnh nhân lao mọi thể của giai đoạn 199-2010. Như chúng tôi đã chứng minh bằng các phương pháp toán thống kê, kết quả cho thấy tỷ lệ tác động của HIV lên bệnh nhân Lao/HIV(+) nhỏ hơn 2%, cao nhất là 1.8% trong năm 2007 và thấp nhất là 0.3% trong năm 2000. Điều này cho phép kết luận rằng HIV không tác động lên tình hình dịch tễ bệnh lao tại thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 1999-2010.

Nhóm tuổi 15-34 và 35-54 chiếm tỷ lệ rất cao đến 94.4% trong toàn bộ 172 bệnh nhân Lao/HIV trong giai đoạn 1999-2010. Nhóm tuổi này giao tiếp xã hội nhiều hơn các nhóm tuổi còn lại và cũng dễ làm lây nhiễm HIV và Lao cho cộng đồng nhiều hơn, cần phải tăng cường các chương trình can thiệp và truyền thông, giáo dục sức khỏe về HIV và bệnh lao hơn nữa cho nhóm tuổi này.

Lao phổi chiếm 73.84% còn lao ngoài phổi chỉ chiếm 26.16% toàn bộ bệnh nhân Lao/HIV trong nghiên cứu này. Trong các bệnh nhân mắc lao ngoài phổi, lao hạch ngoại biên chiếm tỷ lệ cao nhất với 53.3%, tràn dịch màng phổi do lao giữ vị trí thứ hai với 37.8%, lao màng bụng chiếm thứ ba với 4.4%, còn lao màng ngoài tim và phức hợp sơ nhiễm lao ở trẻ em cùng giữ vị trí thứ tư với 2.2%. Các kết quả này hoàn toàn phù hợp với các kết quả của các nghiên cứu đã đăng trên các tạp chí y học quốc tế[9,10]. Trong 172 bệnh nhân Lao/HIV, điều trị khỏi bệnh lao chỉ có 23.8%; 36% tổng số bệnh nhân đã chết trong quá trình điều trị bệnh lao. Nhìn vào các số liệu này chúng ta thấy rất rõ mặc dù được điều trị bệnh lao nhưng tỷ lệ chết vẫn chiếm vị trí cao nhất trong các bệnh nhân Lao/HIV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.Guidelines for intensified tuberculosis case-finding and isoniazid preventive therapy Organization 2011, page 1
- 2.Global Tuberculosis control: WHO report 2010.
3. Report number 887/BC-BYT of Ministry of Health to The government of Vietnam on October 29, 2010.
4. Viet Nam Impact Evaluation Report Consolidated Report. HIV Tuberculosis Malaria Health Systems Effects. Ministry of Health-Viet Nam Administration of HIV/AIDS control. September 2009.
5. Đinh Ngọc Sỹ, Trịnh Minh Hoan, Nguyễn Duy Linh, Hà Thị Lan. Nghiên cứu các bệnh nhân lao mới bị nhiễm HIV tại thành phố Hải Phòng năm 2004. Tạp chí Y Học Thực Hành, số 528-529.
- 6.Social Republic of Viet Nam. 2007. *The third country report on following up the implementation to the declaration of commitment on HIV/AIDS January 2005-*

December 2007.

7. NTP Development Plan 2006–2010 (now revised to 2007–2011). Viet Nam NTP. Ha Noi 2007.

8. Báo cáo tổng kết của Trung Tâm Phòng chống HIV/AIDS TP Đà Nẵng 1999-2010.

9. Bernard James Ngowi. HIV/AIDS and Tuberculosis Coinfection in Rural Northern Tanzania. Dissertation for the degree of philosophiae doctor (PhD), pp 123-125

Centre for International Health. University of Bergen, Norway 2009.

10. Heather M. Peto, Robert H. Pratt, Theresa A. Harrington, Philip A. LoBue, and Lori R. Armstrong. Epidemiology of Extrapulmonary Tuberculosis in the United States, 1993–2006. *Clinical Infectious Diseases* 2009; 49:1350–7